TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 85/2020/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên Phủ, ngày 25 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 98/2020/TLVDS - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

+ Chị Cà Thị N (tên gọi khác: Cà Thị D) - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Bản H, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Bản S, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ Anh Cà Văn S - Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Bản H, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 46 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã P, huyện Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Điện Biên cùng lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định anh S và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Đ vào ngày 12/9/2014. Quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị N là hợp pháp.

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; bản tự khai của các đương sự và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/9/2020, anh S và chị N cùng xác định: Anh chị chung sống với nhau từ năm 2012 làm thủ tục cưới xin theo phong tục của dân tộc Thái và cho đến ngày 12/9/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy vợ chồng thỏa thuận thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh S và chị N là thực sự tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung: Anh S và chị N có một con chung là Cà Mạnh T - sinh ngày 15/3/2013. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện đang ở cùng với anh S. Các đương sự thỏa thuận, sau khi ly hôn anh S sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về Tài sản chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nợ chung.

[5] Về lệ phí: Theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh S, chị N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng. Tuy nhiên, do các đương sự có đơn đề nghị miễn toàn bộ lệ phí vì họ là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận miễn toàn bộ lệ phí cho các đương sự.

Xét thấy anh S, chị N thực sự tự nguyện ly hôn; Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; Sự thỏa thuận bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị N và anh Cà Văn S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Cà Văn S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cà Mạnh T - sinh ngày 15/3/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí: Miễn toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) cho chị Cà Thị N và anh Cà Văn S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. ĐBP;
- Chi cục THADS TP. ĐBP;
- UBND xã P, TPĐ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu:Văn phòng, hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ